

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP The Golden Group thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 3 năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

- Mã chứng khoán: TGG
- Địa chỉ: Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028 7777 9999 Fax: .....
- Email: [info@thegoldengroup.vn](mailto:info@thegoldengroup.vn) Website: <https://thegoldengroup.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 3/năm 2024
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán .....):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:





CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Website: <https://thegoldengroup.vn/> | Email: [info@thegoldengroup.vn](mailto:info@thegoldengroup.vn)

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/10/2024 tại đường dẫn: <https://thegoldengroup.vn/>

Tài liệu đính kèm:

BCTC Q3/2024

VB giải trình

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Kim Nguyên



## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

### 1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

- Mã chứng khoán: TGG
- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 7777 9999 Fax:
- Email: [info@thegoldengroup.vn](mailto:info@thegoldengroup.vn)

### 2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2024 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2024 của Công ty Cổ phần The Golden Group **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Quý 3 năm 2023	Quý 3 năm 2024	Chênh lệch	% thay đổi
LNST tại báo cáo công ty mẹ	21.556.703.524	(6.275.025.127)	-27.831.728.651	-129%
LNST tại báo cáo hợp nhất	5.271.752.061	5.735.069.006	463.316.945	8,79%

#### Nguyên nhân:

- Trong Quý III/2023, LNST tại báo cáo công ty mẹ lờn do hoàn nhập trích lập dự phòng các khoản tổn thất đầu tư vào công ty con, vì năm 2022 đã trích đủ 100% cho một số công ty con như Golden Paddy, PBP, Wings Global.
  - Trong quý III/2024, LNST tại báo cáo công ty mẹ bị lờn do phát sinh các khoản trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con và trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại đường dẫn: <https://thegoldengroup.vn/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Kim Nguyên



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2024

Của

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

CÔNG TY

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo tài chính riêng	1-15
Bảng Cân đối kế toán	1-2
Báo cáo Kết quả kinh doanh	3
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	4
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	5-15

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30-9-2024	01-01-2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>11.025.923.438</b>	<b>19.841.116.476</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.655.850.059</b>	<b>938.584.633</b>
Tiền	111		2.655.850.059	938.584.633
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.003.659.768</b>	<b>15.520.095.867</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		109.525.833	105.773.913
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.480.653.001	1.132.953.001
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	3.553.865.921	13.553.865.921
Các khoản phải thu khác	136	V.5a	49.570.904.933	48.936.888.117
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6a	(49.711.289.920)	(48.209.385.085)
<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.366.413.611</b>	<b>3.382.435.976</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.729.173	21.795.450
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.8b	480.700.044	480.656.132
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.8b	2.879.984.394	2.879.984.394
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>127.714.677.850</b>	<b>129.163.374.065</b>
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	6.600.000.000	6.600.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(6.600.000.000)	(6.600.000.000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35.166.673</b>	<b>42.666.670</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		35.166.673	42.666.670
- Nguyên giá	222		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.833.327)	(7.333.330)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>115.991.199.501</b>	<b>117.156.613.788</b>
Đầu tư vào công ty con	251	V.2a	170.250.000.000	197.100.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	21.154.000.000	20.654.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2a	(75.412.800.499)	(100.597.386.212)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.688.311.676</b>	<b>11.964.093.607</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	11.688.311.676	11.964.093.607
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>138.740.601.288</b>	<b>149.004.490.541</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30-9-2024	01-01-2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.641.745.931</b>	<b>6.706.915.173</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.556.945.931</b>	<b>3.622.115.173</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		3.425.760	1.627.562
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8a	23.164.571	24.819.020
Phải trả người lao động	314		59.490.854	124.803.845
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.479.452	1.479.452
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.9a	2.138.338.566	2.138.338.566
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.331.046.728	1.331.046.728
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.084.800.000</b>	<b>3.084.800.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	V.9b	3.084.800.000	3.084.800.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>132.098.855.357</b>	<b>142.297.575.368</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.10</b>	<b>132.098.855.357</b>	<b>142.297.575.368</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		272.999.900.000	272.999.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.999.900.000	272.999.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.889.093.455	2.889.093.455
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(143.790.138.098)	(133.591.418.087)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(133.591.418.087)	(119.272.016.881)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(10.198.720.011)	(14.319.401.206)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>138.740.601.288</b>	<b>149.004.490.541</b>

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Loan

Quyền Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Loan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lý Thanh Nhã



## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG

Luỹ kế 9 tháng năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Quý 3 năm 2024	Quý 3 năm 2023	Luỹ kế 9 tháng năm 2024	Luỹ kế 9 tháng năm 2023
<b>Doanh thu bán hàng &amp; cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		-	3.079.611	-	99.752.233
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		-	3.079.611	-	99.752.233
Giá vốn hàng bán	11		-	49.949.535	-	155.001.746
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		-	(46.869.924)	-	(55.249.513)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	179.845.633	674.065.012	704.441.587	1.753.013.797
Chi phí tài chính	22	VI.2	4.480.053.703	(22.125.381.971)	6.665.414.287	4.611.224.483
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	1.974.817.057	1.195.873.535	4.144.910.715	4.664.338.745
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		(6.275.025.127)	21.556.703.524	(10.105.883.415)	(7.577.798.944)
Thu nhập khác	31		-	-	540	100
Chi phí khác	32		-	-	92.837.136	25.159
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		-	-	(92.836.596)	(25.059)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		(6.275.025.127)	21.556.703.524	(10.198.720.011)	(7.577.824.003)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		(6.275.025.127)	21.556.703.524	(10.198.720.011)	(7.577.824.003)

Người lập biểu

Quyền Kế toán trưởng




Trần Thị Thanh Loan

Trần Thị Thanh Loan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Tông Giám đốc



Trần Thị Thanh Nhã

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
 Theo phương pháp gián tiếp  
 Lưu ý kể 9 tháng năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Ghi chú	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2024	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2023
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>			
	01	(10.198.720.011)	(7.577.824.003)
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	7.499.997	4.833.331
Các khoản dự phòng	03	8.167.319.122	4.611.224.483
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(704.441.587)	(1.753.013.797)
<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD</b>			
	08	(2.728.342.479)	(4.714.779.986)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(346.481.832)	63.753.908
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(65.169.242)	62.434.590
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	291.848.208	196.670.186
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.848.145.345)</b>	<b>(4.391.921.302)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tsản dài hạn khác	21	-	(50.000.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(5.200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	33.695.897
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.100.200.000)	(22.704.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.600.200.000	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	65.410.771	12.864.498
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.565.410.771</b>	<b>(27.907.439.605)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>1.717.265.426</b>	<b>(32.299.360.907)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	938.584.633	39.803.431.107
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.655.850.059	7.504.070.200

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Loan

Quyền Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Loan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Tổng Giám đốc



Ly Thanh Nhã

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2024

**I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1 . Thông tin doanh nghiệp**

Công ty cổ phần The Golden Group được đổi tên từ Công ty cổ phần Louis Capital (tiền thân là Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 12/09/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Thông tin về trụ sở chính: Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty được đăng ký giao dịch (UPCoM) tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TGG.

Hoạt động chính của Công ty trong quý là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

**2 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty có 4 công ty con, 1 công ty liên kết và 3 chi nhánh, 1 văn phòng đại diện và 1 địa điểm kinh doanh, cụ thể như sau:

**Danh sách các công ty con**

Stt	Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/09/2024	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC	TPHCM	79,8%	111.127.000.000	Mua bán tài sản, mua bán nợ
2	Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global	TPHCM	100,0%	2.000.000.000	Kho vận, logistics
3	Công ty Cổ Phần HB Pharma	TPHCM	51,0%	10.000.000.000	Kinh doanh dược phẩm
4	Công ty TNHH Angimex Furious	An Giang	51%	100.000.000.000	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng, dịch vụ sửa chữa

**Danh sách các công ty liên kết**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết cụ thể như sau:

Stt	Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/09/2024	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu tư	TPHCM	32,05%	66.000.000.000	Xây dựng, lắp đặt và tư vấn liên quan đến công trình xây dựng tư vấn đầu tư

**Danh sách các chi nhánh, địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện**

Stt	Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Louis Capital - Trang Trại Hòa Bình	Hòa Bình	100%	Chăn nuôi
2	Chi Nhánh Phú Thọ - Công Ty Cổ Phần The Golden Group	Phú Thọ	100%	Xây dựng
3	Chi Nhánh Hà Nội - Công Ty Cổ Phần The Golden Group	Hà Nội	100%	Hoạt động tư vấn quản lý
4	Văn phòng đại diện tại TPHCM-Công ty Cổ phần The Golden Group	Hồ Chí Minh	100%	Đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của doanh nghiệp và bảo vệ các lợi ích đó
5	Địa điểm kinh doanh Công Ty Cổ Phần The Golden Group	Hồ Chí Minh	100%	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh

**II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Kỳ kế toán năm:** Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ:** Đồng Việt Nam

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1 . Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**2 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

**3 . Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1 . Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

**2 . Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

**4 . Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**5 . Đầu tư vào các công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**6 . Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

**7 . Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất dài hạn trả trước, chi phí phát hành trái phiếu và các chi phí khác phát sinh mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian hơn một năm.

**8 . Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**10 . Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC riêng, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng. Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

**11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

**12 . Vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

**13 . Chi phí phải trả**

Phân ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**14 . Vốn chủ sở hữu**

*Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

*Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được phê duyệt bởi các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

**15 . Ghi nhận doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chậm thanh toán, lãi mua bán chứng khoán kinh doanh, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, bảng tính lãi chậm thanh toán, lãi khi bán chứng khoán kinh doanh.

**16 . Giá vốn hàng bán**

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

**17 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn, các khoản phí giao dịch mua bán chứng khoán kinh doanh và các khoản lỗ do mua bán chứng khoán kinh doanh.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**18 . Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: Lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

**19 . Thuế***Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30-9-2024	01-01-2024
Tiền mặt	141.399.905	143.019.905
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.514.450.154	795.564.728
	<b><u>2.655.850.059</u></b>	<b><u>938.584.633</u></b>



2 . Các khoản đầu tư tài chính

	30-9-2024			01-01-2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
<b>- Đầu tư vào công ty con</b>	<b>170.250.000.000</b>	<b>95.968.772.647</b>	<b>74.281.227.353</b>	<b>202.100.000.000</b>	<b>101.561.082.069</b>	<b>100.538.917.931</b>
<i>Công ty cổ phần Golden Paddy (1)</i>	-	-	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000
<i>Công ty cổ phần quản lý và khai thác tài sản Louis AMC (2)</i>	88.700.000.000	21.537.272.657	67.162.727.343	88.700.000.000	26.667.433.081	62.032.566.919
<i>Công Ty TNHH MTV Kho Vận Wings Global (3)</i>	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	42.156.624	1.957.843.376
<i>Công Ty TNHH MTV Thu Mua Phụ Phẩm PBP (4)</i>	-	-	-	1.850.000.000	-	1.850.000.000
<i>Công ty Cổ Phần HB Pharma (6)</i>	7.550.000.000	5.194.480.389	2.355.519.611	7.550.000.000	5.112.849.450	2.437.150.550
<i>Công ty TNHH Angimex Furious (5)</i>	72.000.000.000	69.237.019.601	2.762.980.399	72.000.000.000	69.738.642.914	2.261.357.086
<b>- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>21.154.000.000</b>	<b>21.154.000.000</b>	<b>-</b>	<b>20.654.000.000</b>	<b>20.654.000.000</b>	<b>-</b>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu tư (7)</i>	21.154.000.000	21.154.000.000	-	20.654.000.000	20.654.000.000	-

(1) Trong năm 2021, Công ty đã góp vốn vào Công ty cổ phần Golden Paddy với tổng số tiền góp vốn theo mệnh giá là 30.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 46,2% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 51% quyền biểu quyết. Trong tháng 08/2024, Công ty đã thoái vốn Công ty cổ phần Golden Paddy.

(2) Trong năm 2021, Công ty đã góp vốn vào Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC với tổng số tiền góp vốn theo mệnh giá là 88.700.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 85,6% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 85,6% quyền biểu quyết. Trong năm 2022, do công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC tăng vốn thực góp, dẫn đến thay đổi tỷ lệ thành 79,8% vốn thực góp và 79,8% quyền biểu quyết.

(3) Trong năm 2021, Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global với tổng số tiền góp vốn là 2.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 100% quyền biểu quyết.

(4) Ngày 07/01/2022, Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP được thành lập với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, trong quý 2.2022, Công ty cổ phần The Golden Group đã góp vốn là 1.850.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ thực góp. Trong tháng 08/2024, Công ty đã thoái vốn Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP.

(5) Trong năm 2021, Công ty đã mua lại vốn góp của Công ty TNHH Angimex Furious với tổng số tiền mua theo vốn điều lệ là 49.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 49% quyền biểu quyết. Ngày 23/12/2022, Công ty CP XNK An Giang mua lại vốn góp với số tiền mua theo vốn điều lệ là 19.000.000.000 đồng. Do đó, tại ngày 31/12/2022, số dư vốn góp mà Công ty CP The Golden Group đang nắm giữ chỉ chiếm tỷ lệ 30% vốn thực góp công ty TNHH Angimex Furious. Trong tháng 12/2023, Công ty đã mua thêm 21 tỷ vốn góp của Công ty TNHH Angimex Furious, chiếm tỷ lệ từ 30% lên 51% vốn thực góp công ty TNHH Angimex Furious. Trong năm 2024, Công ty TNHH Angimex Furious hoàn tiền góp vốn theo nghị quyết số :26/NQ-HDTV ngày 26.01.2024, và Công ty chỉ tiền góp vốn tại Công ty TNHH Angimex Furious theo nghị quyết số :27/NQ-HDTV ngày 01.02.2024.

(6) Ngày 26/04/2023, Công ty đã mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần HB Pharma với số tiền là 2.550.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ. Ngày 23/05/2024, Công ty bổ sung góp vốn với số tiền là 5.000.000.000 đồng, chiếm 74,27% vốn điều lệ.

(7) Từ tháng 5/2023 đến tháng 10/2023, Công ty đã mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu tư với tổng số tiền là 20.654.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 31,29% vốn điều lệ. Ngày 16/08/2024, Công ty mua 0,76% cổ phần với số tiền là 500.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ là 32,05%.

**3 . Trả trước cho người bán**

Trả trước ngắn hạn cho người bán: hoạt động SXKD

30-9-2024	01-01-2024
1.480.653.001	1.132.953.001
<b>1.480.653.001</b>	<b>1.132.953.001</b>

**Chi tiết:**

Trả trước ngắn hạn cho người bán

CN công ty ACC Xi nghiệp tư vấn thiết kế và xây dựng ACC

430.000.000 430.000.000

Công ty TNHH kiến trúc và chuyển giao công nghệ Hà Nội

550.000.001 550.000.001

Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn UHY

351.000.000 -

Khác

149.653.000 152.953.000

**1.480.653.001 1.132.953.001**

**4 . Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Cho vay nội bộ ngắn hạn

+ Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC

30-9-2024 01-01-2024

2.953.865.921 7.953.865.921

+ Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Tư Vấn Đầu Tư

600.000.000 600.000.000

+ Công Ty Cổ Phần HB Pharma

- 5.000.000.000

**3.553.865.921 13.553.865.921**

**5 . Phải thu khác**

**a) Ngắn hạn**

Tạm ứng cho nhân viên

2.986.000 8.000.000

Phải thu lãi cho vay

4.567.918.933 3.928.888.117

Phải thu Từ Thị Hồng Thanh (\*)

45.000.000.000 45.000.000.000

**49.570.904.933 48.936.888.117**

**b) Dài hạn**

Ký quỹ dự án Tại Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ

6.600.000.000 6.600.000.000

**6.600.000.000 6.600.000.000**

**(\*) Chi tiết**

(\*) Là khoản tiền Công ty đã trả trước cho Bà Từ Thị Hồng Thanh để mua lại 7.500.000 cổ phần Công ty Cổ phần Golden Paddy với giá trị 75.000.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HDCNCP ngày 10/09/2021. Đến ngày 31/12/2021, Bà Từ Thị Hồng Thanh đã hoàn thành việc chuyển nhượng cho Công ty 3.000.000 cổ phần, tương ứng với giá trị theo mệnh giá là 30.000.000.000 đồng. Số tiền Công ty đã trả thừa cho Bà Từ Thị Hồng Thanh là 45.000.000.000 đồng, tương ứng với số cổ phần Bà Từ Thị Hồng Thanh chưa có quyền sở hữu nên chưa chuyển nhượng cho Công ty là 4.500.000 cổ phần, tương ứng với giá trị theo mệnh giá là 45.000.000.000 đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo này Công ty chưa liên hệ được với Bà Từ Thị Hồng Thanh để thu hồi số tiền này.

6 . Nợ xấu	30-9-2024			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>Phải thu nhà cung cấp</b>						
<i>Bà Từ Thị Hồng Thanh</i>	45.000.000.000	-	45.000.000.000	45.000.000.000	-	45.000.000.000
<i>Chi nhánh Tổng Công ty ACC - Xí nghiệp tư vấn thiết kế và xây dựng ACC</i>	430.000.000	-	430.000.000	430.000.000	-	430.000.000
<i>Công ty TNHH Kiến trúc và chuyên giao công nghệ Hà</i>	550.000.001	-	550.000.001	550.000.001	-	550.000.001
<i>Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Phương Bắc - Chi nhánh Phú Thọ</i>	66.653.000	-	66.653.000	66.653.000	-	66.653.000
<i>Trung tâm tư vấn và phát triển lâm nghiệp</i>	50.000.000	-	50.000.000	50.000.000	-	50.000.000
<i>Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ AKISEI</i>	32.400.000	-	32.400.000	32.400.000	-	32.400.000
<i>CÔNG TY TNHH XNK LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM THIÊN VŨ</i>	54.000.000	-	54.000.000	54.000.000	-	54.000.000
<i>Công ty cổ phần Kiến trúc và Xây dựng AU</i>	33.000.000	-	33.000.000	33.000.000	-	33.000.000
<i>Công ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC</i>	6.971.099.925	3.485.549.963	3.485.549.963	11.625.066.368	9.637.546.458	1.987.519.910
<i>Khác</i>	19.373.913	9.686.957	9.686.957	19.373.913	13.561.739	5.812.174
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.206.526.839</b>	<b>9.686.957</b>	<b>49.711.289.920</b>	<b>57.860.493.282</b>	<b>9.651.108.197</b>	<b>48.209.385.085</b>

7 . Chi phí trả trước

	30-9-2024	01-01-2024
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ văn phòng	5.729.173	21.795.450
<b>Cộng</b>	<b>5.729.173</b>	<b>21.795.450</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia (*)	11.688.311.676	11.964.093.607
<b>Cộng</b>	<b>11.688.311.676</b>	<b>11.964.093.607</b>
<b>Tổng</b>	<b>11.694.040.849</b>	<b>11.964.093.607</b>

(\*) Chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia theo Hợp đồng cho thuê số 01-T5(S1.S3)HĐCTMB/SME-HG ngày 20/6/2016 giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia và Công ty. Tổng diện tích thuê là 582,0m<sup>2</sup>, thời hạn thuê từ tháng 6/2016 đến hết tháng 6/2058, tổng giá trị tiền thuê của hợp đồng là 16.000.000.000 đồng.

8 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau :

	30-9-2024	Số phải nộp	Số đã thực nộp	01-01-2024
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế môn bài	-	6.500.000	6.500.000	-
Thuế thu nhập cá nhân từ lương	23.164.571	93.886.389	95.540.838	24.819.020
Các loại thuế khác	-	44.657.298	44.657.298	-
	<b>23.164.571</b>	<b>145.043.687</b>	<b>146.698.136</b>	<b>24.819.020</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế GTGT hàng nội địa	480.700.044	43.912	-	480.656.132
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.879.984.394	-	-	2.879.984.394
	<b>3.360.684.438</b>	<b>43.912</b>	<b>-</b>	<b>3.360.640.526</b>

9 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30-9-2024	01-01-2024
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	38.338.566	38.338.566
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (*)	2.100.000.000	2.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.138.338.566</b>	<b>2.138.338.566</b>
<i>(*) Chi tiết:</i>		
<i>(1) Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình hỗ trợ dự án trang trại chăn nuôi lợn</i>	2.100.000.000	2.100.000.000
	<b>2.100.000.000</b>	<b>2.100.000.000</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
-Tiền hợp tác đầu tư Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên(*)	3.080.000.000	3.080.000.000
- Nhận tiền cọc cho thuê văn phòng tòa nhà SME	4.800.000	4.800.000
<b>Cộng</b>	<b>3.084.800.000</b>	<b>3.084.800.000</b>

(\*) Tiền hợp tác đầu tư Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên nhận của các cá nhân theo các hợp đồng hợp tác đầu tư để cùng thực hiện dự án.

10 . Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư và Phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	272.999.900.000	2.889.093.455	(119.272.016.881)	156.616.976.574
Lãi/Lỗ trong năm	-	-	(14.319.401.206)	(14.319.401.206)
Số dư đầu năm nay	272.999.900.000	2.889.093.455	(133.591.418.087)	142.297.575.368
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	(10.198.720.011)	(10.198.720.011)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>272.999.900.000</b>	<b>2.889.093.455</b>	<b>(143.790.138.098)</b>	<b>132.098.855.357</b>

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30-9-2024		01-01-2024	
	Số tiền	%	Số tiền	%
Ngô Quang Tuấn	29.000.000.000	10,62%	29.000.000.000	10,6%
Các cổ đông khác	243.999.900.000	89,38%	243.999.900.000	89,4%
	<b>272.999.900.000</b>	<b>100%</b>	<b>272.999.900.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	30-9-2024	01-01-2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/ ban hành ra công chúng	27.299.990	27.299.990
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.299.990	27.299.990
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.990	27.299.990

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**1 . Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2024	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2023
- Lãi tiền gửi NH	364.479.502	12.864.498
- Lãi cho vay	339.962.085	1.740.149.299
<b>Cộng</b>	<b>704.441.587</b>	<b>1.753.013.797</b>

**2 . Chi phí tài chính**

	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2024	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2023
- Trích lập khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	6.665.414.287	4.611.224.483
<b>Cộng</b>	<b>6.665.414.287</b>	<b>4.611.224.483</b>

**3 . Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2024	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2023
- Chi phí nhân viên quản lý	1.167.273.237	1.979.768.692
- Chi phí đồ dùng văn phòng	33.915.947	64.236.607
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.499.997	4.833.331
- Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.342.736.197	2.434.182.347
- Chi phí bằng tiền khác	84.580.502	181.317.768
<b>Cộng</b>	<b>4.144.910.715</b>	<b>4.664.338.745</b>

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Loan

Quyền Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Loan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lý Thanh Nhã